

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DSST.

Ngày: 18/3/2020.

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2019/TLST – DS ngày 20/8/2019, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên Tòa số 07/2020/TB-TA, ngày 28/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Th , sinh năm 1977; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Ng , sinh năm 1990; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh T , sinh năm 1977; Có mặt.

- Ông Nguyễn Thanh T , sinh năm 1988; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng trú địa chỉ: Thôn 2, xã Đ , huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Võ Thị Th yêu cầu:

Theo đơn khởi kiện, bà Th yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Th tổng số tiền là 65.400.000 đồng; trong đó có 60.000.000 đồng tiền vay gốc và 5.400.000 đồng tiền lãi phát sinh từ tháng 12/2018 âm lịch đến nay chưa trả.

Tại buổi hòa giải ngày 20/9/2019 bà Th chỉ yêu cầu bà Ng phải trả cho vợ chồng bà Th số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng theo 02 giấy vay tiền đã cung cấp và tính lãi theo mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, trên số tiền gốc 60.000.000 đồng từ tháng 01/2019 đến thời điểm giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tại phiên Tòa bà Th yêu cầu:

Buộc bà Ng và ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th số tiền 35.000.000 đồng theo nội dung giấy vay tiền ngày 09/12/2017 âm lịch, có chữ ký của bà Ng và ông T; đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền gốc 35.000.000 đồng này, theo mức lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định, từ thời điểm tháng 7/2018 đến tháng 02/2020.

Buộc bà Ng phải có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền 25.000.000 đồng mà bà Ng đã vay của bà Th theo giấy vay ngày 27/9/2018 âm lịch; đồng thời tính lãi phát sinh trên số tiền gốc 25.000.000 đồng này, theo mức lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định, từ thời điểm tháng 01/2019 đến tháng 02/2020.

Căn cứ khởi kiện: Vào ngày 09/12/2017 âm lịch, bà Ng và ông T có vay của bà Th số tiền 20.000.000 đồng nhưng sau đó có trả được 10.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng chưa trả. Đến ngày 13/6/2018 âm lịch bà Ng và ông T tiếp tục vay của bà Th 25.000.000 đồng, có lập giấy vay tiền và chữ ký nhận của bà Ng, ông T. Tiếp theo đó, ngày 27/9/2018 âm lịch bà Ng vay thêm của bà Th số tiền 20.000.000 đồng và ngày 28/12/2018 âm lịch vay 5.000.000 đồng. Ban đầu khi giải quyết vụ án, được biết bà Ng và ông T đã ly hôn năm 2016, bà Ng là người trực tiếp vay tiền nên bà Th chỉ yêu cầu bà Ng thực hiện nghĩa vụ trả tiền chứ không yêu cầu ông T phải liên đới nghĩa vụ. Tuy nhiên, sau buổi hòa giải tại Tòa án ngày 20/9/2019; ông T điện thoại chưởi bới, xúc phạm bà Th nên hiện nay bà Th căn cứ vào giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của ông T để yêu cầu buộc ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Ng trả số tiền 35.000.000 đồng đã vay còn thiếu.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà Th đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ: 02 Giấy vay tiền (bản gốc); chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình (đều bản photocopy).

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thu Ng trình bày:

Bà Ng công nhận vào ngày 09/12/2017 âm lịch, bà Ng và ông T có vay của bà Th số tiền 20.000.000 đồng, có lập giấy vay tiền và chữ ký của người vay trong giấy là của bà Ng và ông T. Sau đó bà Ng có trả được cho bà Th số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng chưa trả. Đến ngày 13/6/2018 âm lịch bà Ng có vay thêm của bà Th số tiền 25.000.000 đồng, nội dung vay tiền này được thể hiện ở phần ghi thêm

trong giấy vay tiền đã lập ngày 09/12/2017 âm lịch là “*Cộng thêm: (13.6.2018 AL) 25.000.000 (hai lăm triệu chẵn)*”. Khoảng một tháng sau bà Ng có trả cho bà Th được thêm 10.000.000 đồng trong tổng số tiền đã vay nhưng không có chứng từ gì thể hiện mà chỉ giao nhận trên thực tế. Như vậy với số tiền đã vay được thể hiện trong giấy vay tiền lập ngày 09/12/2017 âm lịch thì bà Ng chỉ còn thiếu bà Th 25.000.000 đồng. Đến ngày 27/9/2018 âm lịch, bà Ng vay của bà Th 20.000.000 đồng, có lập giấy vay tiền và chữ ký bên vay là của bà Ng ; sau đó bà Ng có vay thêm của bà Th 5.000.000 đồng, được thể hiện ở phần ghi thêm trong giấy vay tiền đã lập ngày 27/9/2018 là “*+ thêm 5.000.000 (năm triệu chẵn) ngày 28/12/2018 (AL)*”. Hiện nay bà Ng công nhận chỉ còn thiếu bà Th tổng số tiền đã vay là 50.000.000 đồng chứ không phải số tiền 60.000.000 đồng như bà Th đã khởi kiện.

Bà Ng công nhận còn thiếu bà Th 50.000.000 đồng tiền vay gốc và đồng ý trả cho bà Th chứ không có ý kiến gì nhưng bà Ng xin trả dần hàng tháng chứ không thể trả một lần; riêng tiền lãi phát sinh bà Ng xin bà Th vì hiện nay đang gặp khó khăn.

Tiền vay của bà Th trước đây mà hiện nay còn thiếu thì ông Nguyễn Thanh T có biết, có tham gia vay một lần theo giấy vay tiền lập ngày 09/12/2017 âm lịch nhưng bà Ng và ông T đã ly hôn năm 2016 theo quyết định số 74, ngày 07/7/2016 của Tòa án; khi ly hôn bà Ng ông T đã thống nhất bà Ng là người chịu trách nhiệm trả số nợ của bà Th nên hiện nay bà Ng sẽ có trách nhiệm trả tiền vay còn thiếu cho vợ chồng bà Th chứ không yêu cầu ông T phải liên đới nghĩa vụ trả nợ.

Bà Ng cung cấp tài liệu, chứng cứ: Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, quyết định công nhận ly hôn và bản tự khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Thanh T trình bày: Ông T là chồng của bà Th . Ông T thống nhất với yêu cầu của bà Th , không trình bày bổ sung gì thêm và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

- Ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông T là chồng của bà Ng nhưng đã ly hôn theo quyết định số 74/2016/QĐST-HNGĐ, ngày 07/7/2016 của Tòa án. Trước đây ông T có cầm thẻ điện thoại di động cho bà Th để vay tổng số tiền là 17.000.000 đồng; sau đó đến ngày 09/12/2017 âm lịch, bà Ng có vay tiền của bà Th nên bà Th yêu cầu bà Ng lập giấy vay tiền và yêu cầu ông T cùng ký vào giấy, trong đó có cả số tiền ông T đã vay của bà Th chưa trả. Khoảng 1 tháng sau kể từ ngày lập và ký giấy vay tiền, ông T có đưa cho bà Ng số tiền 20.000.000 đồng để trả cho bà Th ; tuy nhiên bà Ng có trả tiền cho bà Th hay không thì ông T không rõ. Ngoài ra các khoản vay khác do bà Ng xác lập với bà Th chứ ông T không liên quan. Hiện nay ông T xác định không còn thiếu tiền của bà Th nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Th trong vụ án. Ông T vì lý do bận công việc đi làm xa nên xin được xét xử vắng mặt. Ông T cung cấp cho Tòa án đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/2/20120.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Th .

Buộc bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông Nguyễn Thanh T phải liên đới trả cho vợ chồng bà Võ Thị Th số tiền vay gốc 35.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu Ng phải trả cho vợ chồng bà Võ Thị Th số tiền vay gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông Nguyễn Thanh T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Võ Thị Th .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên Tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thanh T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án (đơn ghi ngày 21/02/2020). Do đó căn cứ vào các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thanh T là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp trong vụ án:* Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa các đương sự đều công nhận từ năm 2017 âm lịch, các bên có viết giấy tay, xác lập hợp đồng vay tiền với nhau. Xuất phát từ việc vay tiền, đến nay bên vay là bà Nguyễn Thị Thu Ng vẫn còn thiếu lại một số tiền chưa trả nên bên cho vay là bà Võ Thị Th khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu phải trả số tiền vay gốc và lãi còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn – bà Võ Thị Th , về việc buộc bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay gốc 35.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.*

- *Xét về yêu cầu trả tiền vay gốc:* Tại phiên Tòa, nguyên đơn – bà Võ Thị Th căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 09/12/2017 âm lịch, có chữ ký của bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông Nguyễn Thanh T đề yêu cầu bà Ng và ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th số tiền vay gốc là 35.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu Ng công nhận bà Ng và ông T có vay của bà Th số tiền 20.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 09/12/2017 âm lịch nhưng đã trả được cho bà Th 10.000.000 đồng, chỉ còn thiếu lại 10.000.000 đồng tiền vay gốc; còn số tiền 25.000.000 đồng vay thêm vào ngày 13.6.2018 âm lịch chỉ có một mình bà Ng xác lập vay với bà Th chứ không có ông T tham gia và trong số tiền 25.000.000 đồng này thì bà Ng cũng đã trả được cho bà Th 10.000.000 đồng, tổng số tiền còn thiếu lại bà Th chỉ là 25.000.000 đồng. Riêng về phần ông Nguyễn Thanh T , tuy vắng mặt tại phiên Tòa nhưng theo nội dung lời khai đã trình bày có tại hồ sơ thì ông T chỉ công nhận có cùng bà Ng vay của bà Th số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 09/12/2017 âm lịch, chữ ký trong giấy vay tiền là của ông T ; còn lại các khoản vay phát sinh sau thời điểm 09/12/2017 âm lịch là do bà Ng xác lập với bà Th chứ không liên quan đến ông T , số tiền đã vay này ông T cũng đã gửi về cho bà Ng trả cho bà Th .

Xét lời trình bày của các đương sự tại phiên Tòa cũng như các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã cung cấp và Tòa án đã thu thập được; Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Ng và ông T đều công nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền viết tay lập ngày 09/12/2017 âm lịch mà bà Th cung cấp là của bà Ng và ông T ; giấy vay tiền ngày 09/12/2017 âm lịch chỉ thể hiện nội dung “Số tiền 20.000.000 trả bớt 10.000.000...” chứ không còn thể hiện nội dung trả tiền nào khác. Ngoài ra, bà Ng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh ngoài số tiền 10.000.000 đồng đã trả được thể hiện như đã trích dẫn ở trên thì còn có trả thêm cho bà Th được 10.000.000 đồng nữa; ông T cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh việc ông T đã đưa tiền cho bà Ng trả bà Th , thậm chí ông T còn không xác định được bà Ng có trả tiền cho bà Th hay chưa, trả như thế nào. Như vậy có đủ căn cứ để xác định hiện nay bà Ng và ông T đang còn thiếu bà Th số tiền vay gốc là 35.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 09/12/2017 âm lịch nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Th .

- *Xét về yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc 35.000.000 đồng:* Ngoài yêu cầu trả tiền vay gốc thì bà Th còn yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền gốc 35.000.000 đồng, theo mức lãi suất do Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định, từ thời điểm tháng 7/2018 (thời điểm xác lập vay tháng 6/2018 âm lịch, tương ứng tháng 7/2018 dương lịch) đến tháng 02/2020. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu tính lãi của bà Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Bởi vì căn cứ vào nội dung giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp, được bị đơn công nhận thì việc vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi cụ thể; khi đến hạn mà bên vay không thực hiện trả tiền gốc thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều

468 Bộ luật dân sự 2015. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: $35.000.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} (10\%/\text{năm}) = \mathbf{5.519.500 \text{ đồng}}$.

Như vậy, cần buộc bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Võ Thị Th, ông Nguyễn Thanh T tổng số tiền vay gốc và lãi phát sinh là **40.519.500 đồng**.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn – bà Võ Thị Th, về việc buộc bà Nguyễn Thị Thu Ng phải có nghĩa vụ trả tiền vay gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

- *Xét về yêu cầu trả tiền vay gốc:* Bà Võ Thị Th căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 27/9/2018 âm lịch, có chữ ký của bà Nguyễn Thị Thu Ng để yêu cầu bà Ng phải trả cho bà Th số tiền gốc vay là 25.000.000 đồng; trong đó có 20.000.000 đồng vay ngày 27/9/2018 âm lịch và 5.000.000 đồng vay ngày 28/12/2018 âm lịch. Bà Nguyễn Thị Thu Ng công nhận có vay của bà Th số tiền 25.000.000 đồng này chưa trả; bà Ng đồng ý trả số tiền còn thiếu này cho bà Th chứ không có ý kiến gì. Như vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận của bà Th và bà Ng là phù hợp với quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Xét về yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền vay gốc 25.000.000 đồng:* Ngoài yêu cầu trả tiền vay gốc thì bà Th còn yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền gốc 25.000.000 đồng, theo mức lãi suất do Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định, từ thời điểm tháng 01/2019 (thời điểm xác lập vay tháng 12/2018 âm lịch, tương ứng tháng 01/2019 dương lịch) đến tháng 02/2020. Bà Nguyễn Thị Thu Ng đồng ý trả tiền vay gốc cho bà Th nhưng xin không trả tiền lãi phát sinh. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu tính lãi của bà Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì căn cứ vào nội dung giấy vay tiền bà Th đã cung cấp, được bà Ng thừa nhận thì việc vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, có thỏa thuận lãi suất nhưng cũng không ghi cụ thể; khi đến hạn mà bên vay không thực hiện trả tiền gốc thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, bà Ng xin không tính lãi nhưng bà Th không đồng ý nên cần phải buộc bà Ng trả lãi phát sinh cho bà Th theo quy định của pháp luật. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: $25.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} (10\%/\text{năm}) = \mathbf{2.490.000 \text{ đồng}}$.

[5] Về các vấn đề khác trong vụ án: Tại phiên Tòa, bà Võ Thị Th trình bày sau khi vay số tiền 20.000.000 đồng của bà Th vào ngày 09/12/2017 âm lịch, bà Nguyễn Thị Thu Ng có trả cho bà Th được 300.000 đồng tiền lãi, theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Tuy nhiên, bà Ng không công nhận nội dung lời khai của bà Th; bà Th cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình nên cũng không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết số tiền mà bà Th đã trình bày.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông Nguyễn Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Th là phù hợp với quy

định tại các Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 227, 228 và 246 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th .

Buộc bà Nguyễn Thị Thu Ng và ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Võ Thị Th , ông Nguyễn Thanh T số tiền **40.519.500 đồng**; trong đó 35.000.000 đồng tiền vay gốc và 5.519.500 đồng tiền lãi phát sinh. Chia phần bà Ng và ông T mỗi người phải trả cho vợ chồng bà Th , ông T số tiền **20.259.750 đồng**.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Võ Thị Th với bà Nguyễn Thị Thu Ng , về việc bà Ng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Th , ông T số tiền vay gốc là **25.000.000 đồng**.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu Ng phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Võ Thị Th , ông Nguyễn Thanh T số tiền lãi phát sinh là **2.490.000 đồng**.

Kể từ ngày 19/3/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu Ng phải nộp 2.388.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Buộc ông Nguyễn Thanh T phải nộp 1.013.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm
- Hoàn lại cho bà Võ Thị Th số tiền 1.635.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0026929, ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/3/2020. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ